



THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM

(Giấy phép hoạt động số: 0060/NH-GP do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 25/01/1996;
Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100233488 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14
tháng 2 năm 1996, cấp thay đổi lần 30 ngày 10 tháng 11 năm 2016)

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1, tầng 6, tầng 7 tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh,
Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6276 0068 Fax: (84-4) 6276 0069

Website: www.vib.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà
Trung, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3972 45 68 Fax: (84-4) 3972 46 00

Website: www.vndirect.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Chị: Nguyễn Thùy Dương

Chức vụ: Chuyên viên chính – Ban Pháp chế & Quản trị doanh nghiệp

Số điện thoại: 04. 62760068. Máy lẻ: 4483

Hà Nội, tháng 12 năm 2016



MỤC LỤC

NỘI DUNG BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT	8
I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	8
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	8
1.1 Giới thiệu chung	8
1.2 Giới thiệu về Chứng khoán Đăng ký giao dịch.....	9
1.3 Giới hạn về tỉ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	9
1.4 Lịch sử hình thành và phát triển	9
1.5 Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Ngân hàng.....	11
2. Cơ cấu bộ máy quản lý Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	20
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên của ngân hàng và những người có liên quan; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại, Danh sách cổ đông sáng lập	29
3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần tại ngày 08/11/2016	29
3.2 Cổ đông sáng lập	29
3.3 Cơ cấu cổ đông tại ngày 08/11/2016	29
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Ngân hàng, những công ty mà Ngân hàng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Ngân hàng	30
4.1 Công ty mẹ/nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối với VIB.....	30
4.2 Công ty con do VIB nắm giữ cổ phần chi phối	30
5. Hoạt động kinh doanh.....	31
5.1. Ngành nghề kinh doanh chính	31
5.1.1. Hoạt động huy động vốn.....	31
5.1.2. Hoạt động sử dụng vốn.....	35
5.1.3. Hoạt động kinh doanh ngoại hối	41
5.1.4. Hoạt động thanh toán quốc tế	41
5.1.5. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn	41
5.2. Thị trường hoạt động	43
5.2.1 Mạng lưới chi nhánh của VIB	43
5.2.2. Mạng lưới khách hàng.....	49
5.3. Sản phẩm/dịch vụ cung ứng.....	49
5.3.1. Sản phẩm khối Ngân hàng bán lẻ.....	49

5.3.2. Sản phẩm khối Khách hàng Doanh nghiệp	52
5.3.3. Sản phẩm Khối Ngân hàng Công nghệ số.....	55
6. Hoạt động kinh doanh.....	56
6.1. Cơ cấu doanh thu	56
6.2. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện.....	59
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hai năm gần nhất	60
7.1. Kết quả hoạt động kinh doanh	60
7.2. Những thuận lợi và khó khăn trong năm báo cáo	62
8. Vị thế của VIB so với các Ngân hàng khác trong cùng ngành	63
8.1. Vị thế của VIB trong ngành	63
8.1.1. Chất lượng lợi nhuận và khả năng sinh lời	63
8.1.2. Hệ thống quản trị rủi ro	66
8.1.3. Xếp hạng tín nhiệm Quốc tế.....	67
8.2. Triển vọng phát triển của ngành Ngân hàng.....	67
9. Chính sách đối với người lao động.....	70
9.1 Số lượng người lao động trong Ngân hàng	70
9.2 Chính sách với người lao động	71
10. Chính sách cổ tức	72
11. Tình hình tài chính	72
11.1. Trích khấu hao TSCĐ	72
11.2. Mức lương bình quân	72
11.3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Ngân hàng	72
12. Tài sản.....	74
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	75
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Ngân hàng (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất...)	77
15. Chiến lược định hướng phát triển kinh doanh của Ngân hàng.....	77
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Ngân hàng	78
II. QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG.....	79
1. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	79
1.1 Danh sách HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát	79
1.2 Hội đồng quản trị.....	80

1.3	<i>Ban Điều hành</i>	89
1.4	<i>Ban kiểm soát</i>	101
2.	Kế hoạch tăng cường quản trị Ngân hàng	103

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1. Cơ cấu bộ máy quản lý Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.....	20
Hình 2. Cơ cấu tiền gửi giai đoạn 2012-2015	33
Hình 3. Tỷ lệ nợ xấu của VIB (dự kiến đến 31/12/2016).....	38
Hình 4. Tỷ lệ nợ xấu một số ngân hàng trong 9 tháng đầu năm 2016	64
Hình 5. ROE và ROA ngành ngân hàng năm 2015	64
Hình 6. Chỉ số biên lợi nhuận lãi vay ròng năm 2015.....	66
Hình 7. Tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng GDP qua các năm	67
Hình 8. Tỷ lệ tín dụng nền kinh tế so với GDP (%) của một số quốc gia Đông Nam Á	68
Hình 9. Lãi suất liên ngân hàng qua đêm của Việt Nam qua các năm	69

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng tại ngày 08/11/2016	29
Bảng 2. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 08/11/2016.....	29
Bảng 3. Cơ cấu vốn huy động và VIB phân theo đối tượng huy động (Ngân hàng mẹ)	31
Bảng 4. Cơ cấu vốn huy động và VIB phân theo đối tượng huy động (Hợp nhất)	31
Bảng 5. Phân loại tiền gửi khách hàng theo đối tượng huy động (Ngân hàng mẹ)	32
Bảng 6. Phân loại tiền gửi khách hàng theo đối tượng huy động (Hợp nhất)	32
Bảng 7. Phân loại tiền gửi khách hàng theo loại hình tiền gửi (Ngân hàng mẹ)	34
Bảng 8. Phân loại tiền gửi khách hàng theo loại hình tiền gửi (Hợp nhất)	34
Bảng 9. Cơ cấu dư nợ tín dụng theo thời hạn vay của VIB (*)	35
Bảng 10. Cơ cấu dư nợ tín dụng theo ngành kinh tế (*)	36
Bảng 11. Cơ cấu dư nợ theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp (*)	37
Bảng 12. Cơ cấu dư nợ theo chất lượng tín dụng (*)	38
Bảng 13. Hoạt động liên kết và đầu tư tài chính (Ngân hàng mẹ)	39
Bảng 14. Hoạt động liên kết và đầu tư tài chính (Hợp nhất)	40
Bảng 15. Cơ cấu thu nhập của VIB năm 2014, 2015 và 9 tháng đầu năm 2016 (Ngân hàng mẹ)	56
Bảng 16. Cơ cấu thu nhập của VIB năm 2014, 2015 và 9 tháng đầu năm 2016 (Hợp nhất)	56
Bảng 17. Cơ cấu thu nhập thuần của VIB trong năm 2014, 2015 và 9 tháng đầu năm 2016 (Ngân hàng mẹ)	57
Bảng 18. Cơ cấu thu nhập thuần của VIB trong năm 2014, 2015 và 9 tháng đầu năm 2016 (Hợp nhất)	58
Bảng 19. Danh sách các sản phẩm công nghệ hoặc tài chính trong năm 2016	59
Bảng 20. Kết quả kinh doanh giai đoạn 2014, 2015 và 9 tháng đầu năm 2016 (Ngân hàng mẹ)	60
Bảng 21. Kết quả kinh doanh giai đoạn 2014, 2015 và 9 tháng đầu năm 2016 (Hợp nhất)	61
Bảng 22. Số lượng lao động tại ngày 30/09/2016	70
Bảng 23. Tình hình chi trả cổ tức các năm gần nhất	72
Bảng 24. Chỉ tiêu tài chính của Ngân hàng (Ngân hàng mẹ)	72
Bảng 25. Chỉ tiêu tài chính của Ngân hàng (Hợp nhất)	73

Bảng 26. Cơ cấu tài sản tại ngày 30/09/2016 (Ngân hàng mẹ)	74
Bảng 27. Cơ cấu tài sản tại ngày 30/09/2016 (Hợp nhất).....	75
Bảng 28. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	75

CÁC KHÁI NIỆM TỪ VIẾT TẮT

Cụm từ, nhóm từ được viết tắt	: Diễn giải
BKS	: Ban kiểm soát
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
CĐHH	: Cổ đông hiện hữu
CN	: Chi nhánh
CNTT	: Công nghệ thông tin
DN	: Doanh nghiệp
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
ĐTCL	: Đối tác chiến lược
HĐQT	: Hội đồng quản trị
HĐTD	: Hội đồng tín dụng
KCN	: Khu công nghiệp
L/C	: Tín dụng thư (Letter of Credit)
NĐT	: Nhà đầu tư
NHNN	: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
NHTM	: Ngân hàng thương mại
NHTMCP	: Ngân hàng thương mại cổ phần
NVCSH	: Nguồn vốn chủ sở hữu
TTS	: Tổng tài sản
VCSH	: Vốn chủ sở hữu
TCTD	: Tổ chức tín dụng
TCKT	: Tổ chức kinh tế
TNDN	: Thu nhập doanh nghiệp
TSĐB	: Tài sản đảm bảo
TTQT	: Thanh toán Quốc tế
TV BKS	: Thành viên Ban kiểm soát
VĐL	: Vốn điều lệ
VIB/Ngân hàng	: Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt nam
UBND	: Ủy ban nhân dân
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

NỘI DUNG BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT**I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH****1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****1.1 Giới thiệu chung**

Tên doanh nghiệp	: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM
Tên giao dịch quốc tế	: VIETNAM INTERNATIONAL COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
Tên viết tắt	: VIB
Trụ sở chính	: Tầng 1, tầng 6, tầng 7 Toà nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	: (84-4) 6276 0068
Fax	: (84-4) 6276 0069
Website	: www.vib.com.vn
Logo	: 
Giấy phép hoạt động	: Giấy phép hoạt động số: 0060/NH-GP do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 25/01/1996
Giấy CNĐKKD	: Giấy đăng ký kinh doanh số 0100233488 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 1996, cấp thay đổi lần 30 ngày 10 tháng 11 năm 2016
Người đại diện theo pháp luật	: Ông Hàn Ngọc Vũ – Tổng Giám đốc
Tài khoản giao dịch	: 0101.100.0001171 – Hội sở Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Vốn điều lệ đăng ký	: 5.644.425.000.000 (năm nghìn sáu trăm bốn mươi bốn tỷ bốn trăm hai mươi lăm triệu) đồng
Vốn điều lệ thực góp	: 5.644.425.000.000 (năm nghìn sáu trăm bốn mươi bốn tỷ bốn trăm hai mươi lăm triệu) đồng
Năm trở thành công ty đại chúng	: 2007 (được UBCKNN chấp thuận)
Ngành nghề kinh doanh chính	: • Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của mọi tổ chức thuộc các thành phần kinh tế và dân cư dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn bằng đồng Việt Nam; • Tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển của các tổ chức trong nước; • Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước và của các tổ chức tín dụng khác;

- Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân; Cấp tín dụng dưới hình thức bảo lãnh ngân hàng;
- Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá;
- Thực hiện hoạt động bao thanh toán;
- Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
- Thực hiện sản phẩm đầu tư gắn với rủi ro tín dụng dựa trên trái phiếu ngoại tệ của Chính phủ Việt Nam phát hành trên thị trường quốc tế;
- Hùn vốn, liên doanh và mua cổ phần theo quy định của pháp luật;
- Làm dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế;
- Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và cung ứng các dịch vụ ngoại hối theo thông lệ quốc tế và phù hợp với quy định của pháp luật; Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của pháp luật.

(Nguồn: VIB, theo các quyết định cấp phép hoạt động kinh doanh của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

1.2 Giới thiệu về Chứng khoán Đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Mã chứng khoán: VIB
- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 564.442.500 (năm trăm sáu mươi tư triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm) cổ phiếu
- Tổng số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng: 59.594.835 (năm chín triệu năm trăm chín tư nghìn tám trăm ba lăm) cổ phiếu. Lý do bị hạn chế chuyển nhượng là do theo quy định tại khoản 7 điều 17 Điều lệ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, các cá nhân hiện đang là thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc của VIB không được chuyển nhượng Cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ
- Giới hạn về tỉ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Các pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo đúng quy định về tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài trong ngân hàng là 30% vốn điều lệ theo Nghị định số 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của Tổ chức tín dụng Việt Nam.

Tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài (bao gồm tổ chức và cá nhân) tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam tại ngày 08/11/2016 là 114.102.475 cổ phần, tương ứng với 20,215%.

1.3 Lịch sử hình thành và phát triển

Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, tên viết tắt là Ngân hàng Quốc (VIB) được thành lập ngày 18 tháng 09 năm 1996; hiện tại, trụ sở VIB đặt tại 16 Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Đến hết quý III/2016, sau gần 20 năm hoạt động, VIB đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam với vốn chủ sở hữu đạt hơn 8.500 tỷ đồng, vốn điều lệ 5.644 tỷ đồng. VIB hiện có gần 4.000 cán bộ nhân viên phục vụ khách hàng tại 151 chi nhánh và phòng giao dịch tại trên 27 tỉnh/thành trọng điểm trong cả nước.

Năm 1996	18/9/1996, Ngân hàng Quốc Tế Việt Nam được thành lập với số vốn ban đầu 50 tỷ đồng và 23 nhân viên. Trụ sở đầu tiên đặt tại số 5 Lê Thánh Tông, Hà Nội;
Năm 2006	Sau 10 năm thành lập và phát triển, vốn điều lệ của VIB đã tăng lên là 1.000 tỷ đồng. Cũng trong năm 2006, VIB nhận được bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam trao tặng;
Năm 2007	Vốn điều lệ tăng là 2.000 tỷ đồng với 82 chi nhánh & phòng giao dịch trên toàn quốc. Xếp hạng 3 trên 500 doanh nghiệp tư nhân hàng đầu tại Việt Nam do báo Vietnamnet và Tổ chức Đánh giá Việt Nam đánh giá;
Năm 2009	VIB ký thỏa thuận hợp tác chiến lược với Ngân hàng CBA (Úc). Vốn điều lệ tăng là 3.000 tỷ đồng và triển khai Chiến lược phát triển kinh doanh trong việc tái nhận diện thương hiệu 2009 -2013;
Năm 2010	Ngân hàng CBA chính thức trở thành cổ đông chiến lược của VIB với tỷ lệ sở hữu 15% vốn điều lệ là 4.000 tỷ đồng, với 130 chi nhánh và phòng giao dịch tại 27 tỉnh thành trên toàn quốc;
Năm 2011	Vốn điều lệ của VIB tăng là 4.250 tỷ đồng. VIB nhận cờ thi đua do Thủ tướng và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trao tặng. Ngân hàng CBA nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần lên 20% vốn điều lệ của VIB;
Năm 2012	VIB nhận giải thưởng Ngân hàng phát hành tốt nhất khu vực Đông Á và Thái Bình Dương trong chương trình Tài trợ thương mại toàn cầu (GTFP) do IFC - thành viên của nhóm Ngân hàng quốc tế trao tặng;
Năm 2013	VIB nhận giải thưởng Doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm An sinh xã hội và trách nhiệm cộng đồng do Bộ Kế hoạch & Đầu tư , tạp chí Kinh tế & Dự báo trao tặng. Giải thưởng Ngân hàng thực hiện nghiệp vụ thanh toán quốc tế xuất sắc do HSBC toàn cầu trao tặng. VIB chuyển trụ sở sang tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. VIB nhận giải thưởng Ngân hàng phát hành tốt nhất khu vực Đông Á và Thái Bình Dương 2013 trong chương trình Tài trợ thương mại toàn cầu (GTFP) do IFC - thành viên của nhóm Ngân hàng Quốc Tế trao tặng. VIB nhận giải thưởng Thương hiệu mạnh 2013 do Thời Báo Kinh tế Việt Nam và Cục Xúc tiến trao tặng;
Năm 2014	Xếp hạng 135/1000 doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam năm 2014 do báo Vietnamnet và Tổ chức Đánh giá Việt Nam đánh giá. VIB nhận giải thưởng Thương hiệu mạnh 2014 do Thời Báo Kinh tế Việt Nam và Cục Xúc tiến trao tặng. Giải thưởng "Lãnh đạo công nghệ thông tin tiêu biểu khu vực Đông Nam Á" do Tập đoàn dữ liệu quốc tế IDG, các tổ chức công nghệ thông tin, các Bộ, Ngành trong nước và khu vực Đông Nam Á trao tặng. Giải thưởng "Ngân hàng phát hành tốt nhất khu vực Châu Á - TBD" do Tổ chức tài chính thế giới IFC trao tặng. VIB là ngân hàng TMCP có chỉ số sức mạnh tài chính cao nhất Việt Nam theo báo cáo phát hành bởi Hãng xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's

Investors Service ngày 22/09/2014;

Năm 2015

The Banker trao giải Bank of the Year 2015 tại Việt Nam cho VIB. Ngân hàng bán lẻ phát triển nhanh nhất và Thương vụ tốt nhất do Tổ chức Global Banking & Finance Review trao tặng. Ứng dụng ngân hàng di động MyVIB- đạt giải thưởng sản phẩm ngân hàng sáng tạo tiêu biểu Việt Nam 2015 do Tập đoàn dữ liệu quốc tế IDG tổ chức. VIB giữ vững vị trí dẫn đầu trong bảng xếp hạng tín nhiệm mới nhất của Moody's đối với các ngân hàng Việt Nam.



1.4 Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Ngân hàng

Đơn vị: triệu đồng

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Lần 1	Năm 1999	25.190	70.730	Phát hành cho CĐHH	Quyết định số 36/1999/QĐ-NHNN5 ngày 16/01/1999
Lần 2	Năm 2001	5.080	75.810	Phát hành cho 30 cổ đông	- Quyết định số 13/QĐ-NHNN ngày 10/01/2001 - Nghị quyết/Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 ngày 11/02/2000
Lần 3	Năm 2003	99.190	175.000	Phát hành cho 28 cổ đông	- Quyết định số 614/NHNN-HAN7 ngày 12/11/2003 v/v chấp thuận cho VIB thay đổi mức vốn điều lệ năm 2003 - Biên bản ĐHĐCĐ ngày 01/11/2003 - Công văn số 2757/2003/VIB ngày 16/12/2003 về Báo cáo việc thực hiện thay đổi vốn điều lệ lên 175 tỷ đồng.
Lần 4	Năm 2004	75.000	250.000	Phát hành 53 cổ đông	- Quyết định số 419/NHNN-HAN7 ngày 14/07/2004 v/v chấp thuận cho VIB thay đổi mức VĐL năm 2004 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/03/2004 - Công văn số 2928/2004/VIB ngày 22/11/2004 v/v Báo cáo thực hiện thay đổi VĐL lên 250 tỷ đồng năm 2004
Lần 5	Năm 2005	260.000	400.000		
5.1	Đợt 1/2005	75.000	325.000	Phát hành cho CĐHH và CBCNV	- Quyết định số 196/NHNN-HAN7 ngày 23/03/2005 v/v chấp thuận cho VIB thay đổi mức VĐL năm 2005 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/03/2005- - Nghị quyết HĐQT số 772/2005/VIB ngày 28/03/2005 v/v tăng vốn điều lệ Đợt 1 từ 250 tỷ đồng lên 325 tỷ đồng.

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
5.2	• Đợt 2/2005	75.000	400.000	Phát hành cho CĐHH	- Công văn số 1173/2005/VIB v/v Báo cáo thực hiện thay đổi VĐL đợt 1 năm 2005
					- Quyết định số 196/NHNN-HAN7 ngày 23/03/2005 v/v chấp thuận cho VIB thay đổi mức VĐL năm 2005 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/03/2005 - Nghị quyết HĐQT số 2078A/2005/VIB ngày 20/06/2005 v/v tăng vốn điều lệ Đợt 2 từ 325 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng. - Công văn số 2540/2005/VIB ngày 04/08/2005 v/v Báo cáo thay đổi VĐL đợt 2 năm 2005
5.2	• Đợt 3/2005	110.000	510.000	Phát hành cho CĐHH và CBCNV	- Biên bản số 3345A/2005/VIB ngày 20/10/2005 về việc tăng VĐL đợt 3/2005 - Công văn số 758/NHNN-HAN7 ngày 08/11/2005 v/v chấp thuận cho VIB thay đổi mức VĐL trong năm 2005
Lần 6	Năm 2006	490.000	1.000.000		
6.1	• Đợt 1/2006	85.000	595.000	Phát hành cho CĐHH	- Quyết định số 247/NHNN-HAN7 ngày 10/04/2006 v/v chấp thuận cho VIB thay đổi VĐL năm 2006 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 10/2006/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/03/2006 - Công văn số 1184/2006/VIB ngày 09/05/2006 v/v Báo cáo thực hiện thay đổi VĐL Đợt 1 năm 2006
6.2	• Đợt 2/2006	116.025,43	711.025,43	Phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn quỹ dự trữ bổ sung	- Quyết định số 247/NHNN-HAN7 ngày 10/04/2006 v/v chấp thuận cho VIB thay đổi VĐL năm 2006

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
6.3	• Đợt 3/2006	288.974,57	1.000.000	VĐL và thặng dư VĐL cho Cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 10/2006/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/03/2006
					- Biên bản HĐQT số 1168A ngày 08/05/2006 và Nghị quyết số 1201A/2006/VIB ngày 11/05/2006 v/v tăng VĐL đợt 2/2016
					- Công văn số 02/2006/VIB-TV ngày 22/05/2006 v/v Bảo cáo thực hiện thay đổi VĐL Đợt 2 năm 2006
					- Quyết định số 247/NHNN-HAN7 ngày 10/04/2006 v/v chấp thuận cho VIB thay đổi VĐL năm 2006
					- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 10/2006/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/03/2006
Lần 7	Năm 2007	1.000.000	2.000.000	Phát hành cho CĐHH	- Nghị quyết HĐQT số 2900/2006/NQ-HĐQT ngày 26/09/2006 v/v tăng VĐL đợt 3/2006
					- Công văn số 3781A/2006/VIB ngày 25/11/2006 v/v Bảo cáo thực hiện thay đổi VĐL Đợt 3 năm 2006
					- Quyết định số 344/NHNN-HAN7 ngày 13/04/2007 v/v chấp thuận thay đổi mức VĐL năm 2007
					- Nghị quyết số 662A/2007/NQ-HĐQT ngày 05/03/2007 V/v tăng VĐL năm 2007
					- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 11/2007/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/03/2007 và Phương án phát hành cổ phiếu chi tiết kèm theo
7.1	• Tháng 8/2007	500.000	1.500.000	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết HĐQT số 1280/2007/QĐ-VIB ngày 21/04/2007 v/v thông qua Phương án phát hành chi tiết
					- Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng số

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					113/UBCK-ĐKCB ngày 25/06/2007
					- Giấy ĐKKD số 055772 thay đổi lần 16 ngày 15/08/2007
					- Công văn số 3204/2007/VIB ngày 20/08/2007 v/v Báo cáo thực hiện thay đổi VĐL lên 1500 tỷ đồng năm 2007
					- Báo cáo KQ chào bán cổ phiếu ra công chúng gửi UBCKNN
					- Quyết định số 961/NHNN-HAN7 ngày 24/10/2007 v/v chấp thuận tăng VĐL lên 2.000 tỷ đồng
					- Công văn chấp thuận tăng vốn điều lệ của UBCKNN
					- Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2007 thông qua tăng vốn điều lệ
					- Biên bản tổng hợp ý kiến cổ đông ngày 15/10/2007 về việc tăng VĐL từ 1.500 tỷ đồng lên 2.500 tỷ đồng
					- Nghị quyết HĐQT số 4142/2007/QĐ-VIB ngày 16/10/2007 v/v tăng VĐL từ 1.500 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng
					- Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng ngày 28/12/2007
					- Giấy ĐKKD số 055772 thay đổi lần 17 ngày 25/12/2007
					- Công văn số 5152/2007/VIB ngày 31/12/2007 v/v Báo cáo thay đổi VĐL lên 2.000 tỷ đồng năm 2007
					- Nghị quyết HĐQT số 4355/2007/NQ-HĐQT ngày 17/10/2007 v/v phân phối cổ phiếu cho CBCNV
					- Nghị quyết HĐQT số 4788/2007/VIB ngày 22/11/2007 v/v thông qua thời gian tăng VĐL năm 2007
					- Nghị quyết HĐQT số 5081/2007/VIB ngày 21/12/2007 v/v bán cổ phần còn lại trong đợt tăng vốn năm 2007
7.2	Tháng 12/2007	500.000	2.000.000	- Phát hành cho HĐQT, BKS và CBCNV - Phát hành cho Cổ đông hiện hữu - Phân phối cho NĐT khác	

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Lần 8	Năm 2009	1.000.000	3.000.000		
8.1	Năm 2009	200.000	2.200.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và quỹ dự trữ bổ sung VĐL	- Công văn chấp thuận tăng vốn điều lệ của UBCKNN - Quyết định số 1235/NHNN-HAN7 ngày 08/07/2009 v/v chấp thuận tăng VĐL năm 2009 - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 14/07/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/07/2007 v/v tăng VĐL đợt 1 năm 2009 từ 2.000 tỷ đồng lên 2.200 tỷ đồng. - Biên bản tổng hợp ý kiến TV HĐQT về v/v Chia cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng năm 2009 và Phương án xử lý cổ phiếu lẻ. - Công văn số 0149/2009/VIB-TK ngày 27/07/2009 v/v Báo cáo thực hiện tăng VĐL lên 2.200 tỷ đồng năm 2009
8.2	Tháng 2/2010	200.000	2.400.000	- Phát hành cho Cổ đông hiện hữu - Phân phối cho HĐQT khác	- Quyết định chấp thuận tăng vốn điều lệ của NHNN - Giấy chứng nhận chào bán số 473/UBCK-GCN ngày 18/12/2009 - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1112/2009/VIB-NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/12/2009 - Nghị quyết HĐQT số 0273/2009/VIB-TK ngày 11/12/2009 về việc tăng VĐL đợt 3 năm 2009 - Nghị quyết HĐQT về việc xử lý cổ phiếu lẻ số 263 ngày 03/02/2010 - Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng ngày 06/02/2010 - Công văn số 363 ngày 12/2/2010 v/v Báo cáo thực hiện tăng VĐL đợt 3 năm 2009 gửi NHNN

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
8.3	Tháng 2/2010	600.000	3.000.000	- Phát hành cho Cổ đông hiện hữu - Phân phối cho NĐT khác	- Giấy chứng nhận chào bán số 473/UBCK-GCN ngày 18/12/2009 - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1112/2009/VIB-NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/12/2009 - Nghị quyết HĐQT số 0273/2009/VIB-TK ngày 11/12/2009 về việc tăng VĐL đợt 3 năm 2009 - Nghị quyết HĐQT về việc xử lý cổ phiếu lẻ số 263 ngày 03/02/2010 - Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng ngày 06/02/2010 - Công văn số 363 ngày 12/2/2010 v/v Báo cáo thực hiện tăng VĐL đợt 3 năm 2009 gửi NHNN

Lần 9	Năm 2010	1.000.000	4.000.000		- Quyết định số 4582/NHNN-TTGSNH ngày 17/6/2010 v/v tăng vốn điều lệ năm 2010 của VIB - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 0109/2010/NQ-ĐHĐCĐ-VIB ngày 18/03/2010 - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 0110/2010/NQ-ĐHĐCĐ-VIB ngày 18/03/2010 và Phương án phát hành chi tiết kèm theo - Nghị quyết HĐQT số 0172B/2010/NQ-VIB-HĐQT ngày 22/04/2010 v/v Thông qua Phương án tăng vốn chi tiết - Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng số 599/UBCK-GCN ngày 25/06/2010 - Nghị quyết HĐQT số 0270/2010/NQ-VIB-HĐQT ngày 29/06/2010 v/v thực hiện tăng vốn Đợt 1 năm 2010 (lên 3.400 tỷ
9.1	Tháng 07/2010	400.000	3.400.000	- Phát hành cho Cổ đông hiện hữu - Phân phối cho NĐT khác	

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
9.2	Tháng 9/2010	600.000	4.000.000	Phát hành cho Đối tác chiến lược	đồng) - Nghị quyết HĐQT số 0254/2010/NQ-VIB-HĐQT ngày 22/06/2010 v/v Thông qua Phương án xử lý cổ phiếu lẻ - Nghị quyết HĐQT số 1355/2010/NQ-VIB-HĐQT v/v phân phối cổ phiếu lẻ và từ chối mua - Báo cáo kết quả chào bán chứng khoán ra công chúng - Công văn số 2423/2010/BC-VIB ngày 30/07/2010 v/v Báo cáo thực hiện tăng VĐL đợt 1 năm 2010 gửi NHNN - Công văn chấp thuận tăng vốn điều lệ của UBCKNN - Quyết định số 4582/NHNN-TTGSNH ngày 17/6/2010 v/v tăng vốn điều lệ năm 2010 của VIB - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 0109/2010/NQ-ĐHĐCĐ-VIB ngày 18/03/2010 - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 0110/2010/NQ-ĐHĐCĐ-VIB ngày 18/03/2010 và Phương án phát hành chi tiết kèm theo - Nghị quyết HĐQT số 0172B/2010/NQ-VIB-HĐQT ngày 22/04/2010 v/v Thông qua Phương án tăng vốn chi tiết - Nghị quyết HĐQT số 0171/2010/NQ-VIB-HĐQT v/v Phê duyệt giá bán cho DTCL - Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ ngày 26/04/2010 - Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ ngày 03/09/2010
Lần 10	Tháng 10/2011	250.000	4.250.000	Phát hành cho Đối tác chiến lược	- Công văn chấp thuận tăng vốn điều lệ của UBCKNN - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 0109/2010/NQ-ĐHĐCĐ-VIB ngày 18/03/2010

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					- Nghị quyết HĐQT số 0172B/2010/NQ-VIB-HĐQT ngày 22/04/2010 v/v Thông qua Phương án phát hành - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 3439/2010/NQ-ĐHĐCĐ-VIB ngày 11/10/2010 v/v gia hạn Phương án phát hành lên 4.250 tỷ đồng - Nghị quyết HĐQT số 0512/2010/NQ-VIB-HĐQT ngày 28/12/2010 v/v Thông qua danh sách CĐCL và giá phát hành - Quyết định số 5328/NHNN-TTGSNH ngày 08/07/2011 v/v bán cổ phần cho NĐT Chiến lược của VIB - Giấy đăng ký chào bán cổ phần riêng lẻ - Báo cáo kết quả chào bán cổ phần riêng lẻ nộp UBCKNN

					- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 548/2015/NQ-ĐHĐCĐ-VIB ngày 27/03/2015 - Quyết định số 5922/NHNN-TTGSNH ngày 06/08/2016 v/v chấp thuận VIB tăng VĐL lên 4.845 tỷ đồng - Nghị quyết HĐQT số 050/2015/NQ-HĐQT ngày 16/10/2015 v/v Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh - Công văn số 6670/UBCK-QLPH ngày 22/10/2010 v/v nhận đủ tài liệu Báo cáo phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ NVCSH - Nghị quyết HĐQT số 1917/2015/NQ-CTHĐQT ngày 04/12/2015 v/v thời điểm chốt danh sách - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn từ NVCSH ngày 15/12/2015 - Giấy ĐKKD số 0100233488 thay đổi lần 29 ngày 24/12/2015 - Công văn số 2081/2015/HĐQT ngày 21/12/2015 v/v Báo cáo thực hiện thay đổi VĐL gửi NHNN
Lần 11	Tháng 12/2015	595.000	4.845.000	<i>Trả cổ tức/tăng vốn cổ phần từ NVCSH cho Cổ đông hiện hữu</i>	

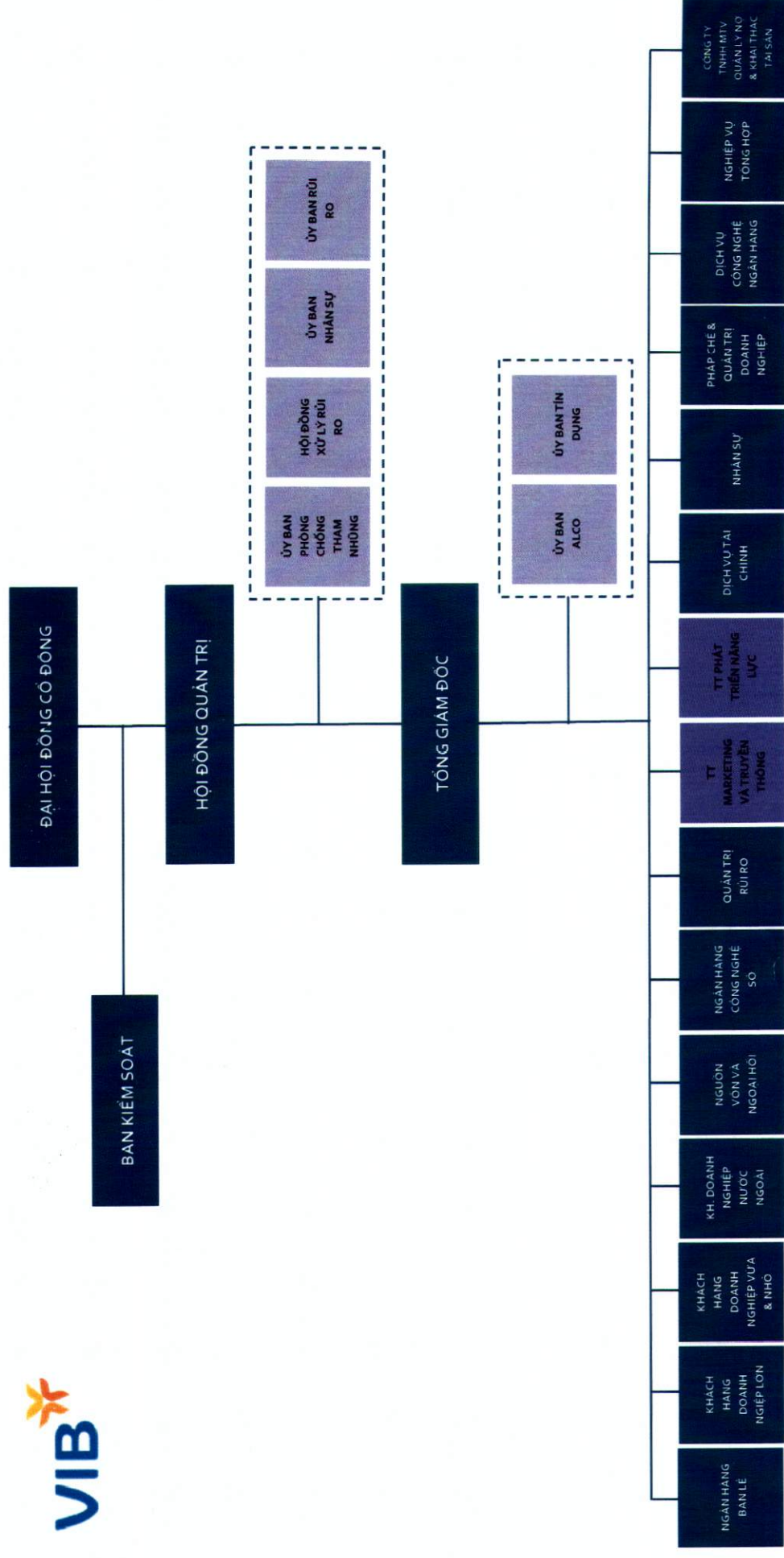
Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Lần 12	Tháng 10/ 2016	799.942,5	5.644.425	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016 số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2016 - Nghị quyết HĐQT số 054.16.3 ngày 22/09/2016 V/v thực hiện Phương án tăng Vốn điều lệ năm 2016 - Công văn số 7541/NHNN-TTGSNH ngày 05/10/2016 v/v chấp thuận tăng vốn điều lệ của VIB - Công văn số 6813/UBCK-QLCB ngày 11/10/2016 v/v tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu - Báo cáo về kết quả thực hiện tăng vốn điều lệ số 4.1212.16 ngày 01/11/2016 - Công văn số 7243/UBCK-QLCB ngày 31/10/2016 v/v xác nhận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

Tại thời điểm 30/09/2016, VIB đã huy động vốn thực góp của cổ đông là: 5.644.425.000.000 (năm nghìn sáu trăm bốn mươi bốn tỷ bốn trăm hai mươi lăm triệu) đồng.

(Nguồn: VIB)

2. Cơ cấu bộ máy quản lý Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam

Hình 1. Cơ cấu bộ máy quản lý Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam



(Nguồn: VIB)

- **Đại hội đồng Cổ đông**

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Ngân hàng theo Pháp luật và Điều lệ. ĐHĐCĐ bao gồm tất cả các cổ đông (hoặc đại diện của cổ đông) có quyền biểu quyết của Ngân hàng. ĐHĐCĐ là cơ quan thông qua chủ trương chính sách liên quan đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra cơ quan quản lý và điều hành hoạt động của Ngân hàng.

ĐHĐCĐ thường niên và bất thường quyết định các vấn đề quan trọng nhất của Ngân hàng như:

- Thông qua định hướng phát triển của VIB;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Quyết định số thành viên HĐQT và BKS cho mỗi nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ. Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho VIB và các Cổ đông;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành của VIB;
- Thông qua phương án thay đổi mức Vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán Cổ phần, chia Cổ phiếu thưởng. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác của VIB;
- Thông qua các hợp đồng có giá trị trên hai mươi phần trăm (20%) Vốn điều lệ của VIB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa một bên là VIB với bên kia là thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Cổ đông Lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên BKS, Cổ đông Lớn của VIB; công ty con, công ty liên kết của VIB. Trong trường hợp này, các Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết;
- Quyết định đầu tư, mua bán tài sản, góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên so với Vốn điều lệ của VIB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Quyết định thành lập công ty con, quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu phá sản VIB.

- **Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị có thẩm quyền trong các lĩnh vực sau:

- Hoạch định khung và phê duyệt các chiến lược tổng thể, chiến lược kinh doanh, chiến lược hoạt động và các chính sách chính của Ngân hàng, bao gồm: Chiến lược dài/trung/ngắn hạn, chiến lược kinh doanh và chính sách trọng yếu;
- Các hoạt động và hiệu quả kinh doanh;
- Quản trị Doanh nghiệp, Các vấn đề về nhân sự chủ chốt và văn hóa doanh nghiệp; Tình hình tài chính và tuân thủ;
- Báo cáo về khẩu vị rủi ro và các vấn đề trọng yếu về rủi ro;

- Hỗ trợ các mối quan hệ trọng yếu của Ngân hàng, bao gồm mối quan hệ với các cơ quan Nhà nước, các tổ chức tài chính Việt Nam và quốc tế, các khách hàng quan trọng, Cộng đồng doanh nghiệp tại Việt Nam/thế giới và Cộng đồng xã hội;
- Hình ảnh và thương hiệu của Ngân hàng.

Các thành viên Hội đồng Quản trị hiện nay của VIB bao gồm:

Ông Đặng Khắc Vỹ	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đặng Vũ Sơn	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đỗ Xuân Hoàng	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Hàn Ngọc Vũ	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Michael John Venter	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Coenraad Johannes Jonker	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Ian Park	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
Ông Trần Tuấn Phong	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

• **Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát là cơ quan có thẩm quyền thay mặt Đại hội đồng cổ đông giám sát mọi hoạt động và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc và có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông. Ban Kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Giám sát kết quả hoạt động tài chính và tính tuân thủ;
- Cải thiện môi trường và hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng;
- Củng cố và phát huy tăng bảo vệ thứ ba: Tăng cường năng lực hoạt động đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và Bảo đảm vai trò độc lập của Ban Kiểm soát, Kiểm toán Nội bộ và Điều tra nội bộ & Phòng chống gian lận;
- Duy trì mối quan hệ với các bên liên quan trong các vấn đề, rủi ro vi phạm, giám sát và khắc phục chỉnh sửa sau kiểm toán; các hoạt động kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo, vi phạm và tham nhũng;
- Xây dựng hoạt động kiểm toán nội bộ theo thông lệ quốc tế;
- Hoạt động ngăn chặn tham nhũng và phòng chống tham nhũng tại Ngân hàng.

Các thành viên Ban Kiểm soát hiện nay của VIB bao gồm:

Ông Trịnh Thanh Bình	Trưởng Ban Kiểm soát (chuyên trách)
Bà Nguyễn Lương Thị Bích Thủy	Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách
Ông Anthony Michael Greenhill	Thành viên Ban Kiểm soát

• **Ủy ban Phòng chống Tham nhũng**

Ủy ban Phòng chống Tham nhũng là một bộ phận nghiệp vụ do Hội đồng Quản trị trực tiếp quản lý, có chức năng đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng tại Ngân hàng đảm bảo

tuân thủ các Quy định của Pháp luật và Ngân hàng. Các quyền hạn và trách nhiệm của Ủy ban Phòng chống Tham nhũng bao gồm: (i) Tổ chức triển khai, chỉ đạo các công tác liên quan đến phòng/chống tham nhũng; (ii) Tiếp nhận thông tin, tổng hợp tình hình tham nhũng; Thực hiện xử lý nội bộ và chuyển hồ sơ/thông báo đến cơ quan có thẩm quyền (nếu cần) để xem xét, xử lý các trường hợp có dấu hiệu vi phạm quy định của Pháp luật về phòng, chống tham nhũng; (iii) Báo cáo tình hình thực hiện của Ủy ban với Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan Nhà nước theo quy định; và (iv) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Pháp luật.

- **Hội đồng Xử lý Rủi ro**

Hội đồng Xử lý Rủi ro là một bộ phận nghiệp vụ trực thuộc Hội đồng Quản trị, có trách nhiệm hỗ trợ, tham mưu, báo cáo cho Hội đồng Quản trị và trực tiếp quản lý và quyết định trong các vấn đề liên quan đến xử lý rủi ro trong phạm vi thẩm quyền, bao gồm: (i) Phân loại nợ; (ii) Trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro hệ thống; (iii) Chính sách xử lý rủi ro và (iv) quản lý tổng thể công tác xử lý rủi ro (biện pháp xử lý, phân cấp/ủy quyền cá nhân, đơn vị thực hiện và kết quả thu hồi khoản nợ đã sử dụng dự phòng, khoản rủi ro có giá trị dưới 10% vốn chủ sở hữu và các khoản rủi ro đặc biệt khác).

- **Ủy ban Nhân sự**

Ủy ban Nhân sự là một bộ phận nghiệp vụ do Hội đồng Quản trị trực tiếp quản lý, có trách nhiệm hỗ trợ, tham mưu và báo cáo trực tiếp cho Hội đồng Quản trị trong các vấn đề về nhân sự liên quan đến Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành, các nhân sự cấp cao và các chính sách, chế độ nhân sự tổng thể, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức, các quy định của pháp luật và Điều lệ VIB, đóng góp vào việc xây dựng một bầu không khí tin cậy lẫn nhau trong Ngân hàng. Các lĩnh vực nằm trong quyền hạn và trách nhiệm của Ủy ban Nhân sự bao gồm: (i) Chế độ lương, thưởng, thù lao; (ii) Tuyển dụng, bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm; (iii) Đào tạo; (iv) Mục tiêu, kế hoạch và đánh giá hiệu quả làm việc; và (iv) Hiệu quả quản lý nhân sự tổng thể của Ngân hàng.

- **Ủy ban Rủi ro**

Ủy ban Rủi ro là một bộ phận nghiệp vụ do Hội đồng Quản trị trực tiếp quản lý, có trách nhiệm hỗ trợ, tham mưu và báo cáo trực tiếp cho Hội đồng Quản trị trong các vấn đề liên quan đến kiểm soát, phòng ngừa và quản lý rủi ro. Các quyền hạn và trách nhiệm của Ủy ban Rủi ro bao gồm:

- Rà soát và tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong các quyết định liên quan đến rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và thanh khoản, rủi ro hoạt động, pháp chế tuân thủ;
- Rà soát các đề xuất về chiến lược quản trị rủi ro, khẩu vị rủi ro, khung quản trị rủi ro và hạn mức rủi ro và các tài liệu báo cáo khác gửi lên Hội đồng Quản trị; Tư vấn và báo cáo Hội đồng Quản trị danh sách các đề xuất từ chối định kỳ hàng quý;
- Rà soát và tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các khoản giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro;
- Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong các quyết định bổ nhiệm Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro.

- **Tổng Giám đốc.**

Tổng Giám đốc trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc có các quyền hạn và trách nhiệm sau:

- Chỉ đạo thực hiện và báo cáo tình hình thực hiện các nghị quyết và các chiến lược, kế hoạch kinh doanh đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Xây dựng, chỉ đạo quá trình xây dựng chiến lược, tầm nhìn, kế hoạch kinh doanh dài/trung/ngắn hạn và ngân sách của Ngân hàng trình Hội đồng Quản trị phê duyệt; Quản lý việc thực hiện;
 - Nhận định các mục tiêu chủ chốt và các ưu tiên, các chỉ tiêu đo lường hiệu quả tài chính và các chỉ tiêu khác cũng như yêu cầu về nhân sự và các nguồn lực khác của Ngân hàng;
 - Xây dựng đội ngũ quản lý cao cấp và văn hóa Ngân hàng;
 - Liên tục cập nhật những phát triển của thị trường và tìm kiếm cơ hội kinh doanh/sáp nhập;
 - Đóng vai trò lãnh đạo Ban Điều hành và là Chủ tịch Ủy ban ALCO;
 - Phê duyệt các hoạt động, dự án, các vấn đề về ngân sách/chi phí và nhân sự trong phạm vi thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tối ưu hóa lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro; Tham vấn Hội đồng Quản trị trong các vấn đề liên quan trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - Đề xuất, chỉ đạo các sáng kiến cải thiện kết quả kinh doanh, hoạt động và quản lý của Ngân hàng;
 - Đại diện Ngân hàng trước các mối quan hệ trọng yếu của Ngân hàng, bao gồm các mối quan hệ với các cơ quan Nhà nước, các tổ chức tài chính Việt Nam và quốc tế, các khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân quan trọng, Cộng đồng doanh nghiệp tại Việt Nam/thế giới và Cộng đồng xã hội.
 - Bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc gồm các Phó Tổng Giám đốc được giao nhiệm vụ phụ trách các Khối/Ban và các Khối/Ban chức năng đứng đầu là Giám đốc Khối/Ban.
- **Ủy ban ALCO (Ủy ban tài sản nợ – tài sản có)**
ALCO là cơ quan trực thuộc Ban Điều hành, có chức năng:
 - Quản lý và tối đa hóa thu nhập của bảng tổng kết tài sản, tăng giá trị doanh nghiệp cho các cổ đông của Ngân hàng;
 - Quản lý rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường gắn với các hoạt động của Ngân hàng; Báo cáo Ủy ban Rủi ro các vấn đề quan trọng về rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, an toàn vốn trong hoạt động của Ngân hàng;
 - Định kỳ rà soát và đề xuất với Ủy ban Rủi ro trong các vấn đề về khẩu vị rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, an toàn vốn; cấu trúc phân quyền phê duyệt, rà soát các giới hạn rủi ro thị trường;
 - Khuyến nghị về các rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường đối với các sản phẩm mới, sản phẩm sửa đổi để Hội đồng Sản phẩm phê duyệt;
 - Đảm bảo tuân thủ chính sách Pháp luật về tỷ lệ an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.
 - **Ủy ban Tín dụng**

Ủy ban Tín dụng là cơ quan trực thuộc Ban Điều hành, bao gồm các Tiểu Ủy ban Tín dụng (Tiểu Ủy ban Tín dụng Chính sách, Tiểu Ủy ban Tín dụng Khách hàng Doanh nghiệp, Tiểu Ủy ban Tín dụng Khách hàng Cá nhân). Ủy ban Tín dụng có các trách nhiệm sau:

- Giúp Hội đồng Quản trị xác định khẩu vị rủi ro, chính sách tín dụng, khung giới hạn và hệ thống xếp hạng tín dụng của Ngân hàng; Tư vấn cho các đơn vị nội bộ trong các phê duyệt có liên quan;
- Quản trị cơ cấu dư nợ, chất lượng tín dụng toàn Hệ thống;
- Phê duyệt hệ thống quy định, quy trình, hướng dẫn về tín dụng và rủi ro tín dụng, các giới hạn tín dụng cụ thể để quản lý rủi ro tín dụng trên toàn hệ thống;
- Phê duyệt các khoản cấp tín dụng, đầu tư trong thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban Tín dụng;
- Đưa ra các khuyến nghị về định hướng tín dụng trong tương lai;
- Quyết định thẩm quyền phê duyệt tín dụng của các cấp phê duyệt trên toàn hệ thống.

- **Các Khối/Ban chức năng**

Khối Ngân hàng Bán lẻ

Khối Ngân hàng Bán lẻ (NHBL) là Khối kinh doanh thuộc Hội sở chính, có chức năng tham mưu, hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc tạo ra và tối ưu hóa lợi nhuận cho Ngân hàng thông qua việc phát triển và phân phối các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng tới nhóm Khách hàng cá nhân (KHCHN^a) và Khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ (DNSN^b) theo tiêu chuẩn dịch vụ hướng tới khách hàng thông qua hệ thống các kênh kinh doanh trực tiếp^c và kênh hỗ trợ kinh doanh^d (bao gồm mạng lưới chi nhánh, điểm ATMs và các điểm giao dịch khác của Ngân hàng).

Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn

Khối Khách hàng Doanh nghiệp (KHDN) là Khối kinh doanh thuộc Hội sở chính, có chức năng tham mưu, hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc quản lý điều hành và phát triển hoạt động kinh doanh đối với các khách hàng doanh nghiệp và định chế tài chính trong nước trên toàn hệ thống VIB, với chiến lược phát triển quan hệ, marketing, khai thác và kinh doanh đối với các phân khúc khách hàng quy mô lớn, đảm bảo cạnh tranh với các đối thủ trong ngành, tối ưu hóa lợi nhuận và quản trị rủi ro cho Ngân hàng.

^a Khách hàng cá nhân (KHCHN): là các cá nhân, cá thể có quốc tịch Việt Nam hoặc người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam.

^b Khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ trong nước (DNSN): là doanh nghiệp đáp ứng đồng thời các điều kiện sau (Số liệu được xác định trên báo cáo tài chính năm liền kề trước đó. Việc xác định doanh nghiệp thuộc lĩnh vực sản xuất, thương mại hay dịch vụ căn cứ vào tỷ trọng doanh thu lớn nhất trong tổng doanh thu của doanh nghiệp thuộc lĩnh vực sản xuất, thương mại hay dịch vụ.):

- i. Doanh thu nhỏ hơn 20 tỷ đồng/năm;
- ii. Tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính nhỏ hơn 20 tỷ đồng đối với doanh nghiệp sản xuất và nhỏ hơn 10 tỷ đồng đối với doanh nghiệp thương mại dịch vụ;
- iii. Số lao động có nộp bảo hiểm xã hội từ 10 người trở xuống;
- iv. KHDN siêu nhỏ theo Quy định này bao gồm các loại hình sau:
 - a. Doanh nghiệp tư nhân;
 - b. Công ty TNHH hai thành viên trở lên;
 - c. Công ty TNHH một thành viên;
 - d. Công ty cổ phần.

^c Kênh kinh doanh trực tiếp: là kênh kinh doanh chính tại Khối NHBL và trực tiếp tạo ra lợi nhuận cho Khối (VD: Hệ thống mạng lưới chi nhánh, các điểm giao dịch, kênh Kinh doanh trực tiếp). Một số kênh kinh doanh trực tiếp cũng tham gia hỗ trợ các Khối/Ban khác thuộc VIB.

^d Kênh hỗ trợ kinh doanh: có chức năng hỗ trợ các kênh kinh doanh trực tiếp đạt mục tiêu tài chính và phi tài chính

Khối Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ

Khối Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) là một Khối kinh doanh thuộc Hội sở chính, có chức năng tham mưu, hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc quản lý điều hành và phát triển hoạt động kinh doanh đối với các khách hàng SME với chiến lược phát triển quan hệ, marketing, khai thác và kinh doanh đối với các phân khúc khách hàng quy mô vừa và nhỏ khác nhau, đảm bảo cạnh tranh với các đối thủ trong ngành, tối ưu hóa lợi nhuận và quản trị rủi ro cho Ngân hàng.

Khối Khách hàng Doanh nghiệp nước ngoài

Khối Khách hàng Doanh nghiệp Nước ngoài (KHDNNN) là một Khối kinh doanh thuộc Hội sở chính, có chức năng tham mưu, hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc quản lý điều hành và phát triển hoạt động kinh doanh đối với các khách hàng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên toàn hệ thống VIB, với chiến lược phát triển sản phẩm, dịch vụ cho từng phân khúc khách hàng theo quy mô và thời điểm thích hợp nhằm trực tiếp tạo ra và tối ưu hóa kết quả kinh doanh và lợi nhuận, mở rộng danh mục khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ và năng lực cạnh tranh, nhận diện thương hiệu của Ngân hàng trước các đối thủ cạnh tranh trong thị trường.

Khối Nguồn vốn và Ngoại hối

Khối Nguồn vốn và Ngoại hối (NVNH) là Khối kinh doanh thuộc Hội sở chính, có chức năng tham mưu, hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc quản lý nguồn vốn, ngoại hối, phát triển kinh doanh vốn, ngoại hối và các loại giấy tờ có giá trên toàn hệ thống của Ngân hàng. Các hoạt động chính của Khối Nguồn vốn và Ngoại hối bao gồm: Dự báo biến động lãi suất, tỷ giá, kinh tế vĩ mô và đưa ra các đề xuất, kiến nghị liên quan đến hoạt động của ngân hàng cho Hội đồng Quản trị, ALCO, Ban Điều hành và các bộ phận liên quan; Quản lý và kinh doanh Ngoại hối, Tài sản Nợ - Có, Tiền tệ, các sản phẩm Vốn (trái phiếu, cổ phiếu, sản phẩm cấu trúc và phái sinh) và Kinh doanh/hỗ trợ phát triển kinh doanh với khách hàng là tổ chức kinh tế, các định chế tài chính phi ngân hàng.

Khối Ngân hàng Công nghệ số

Khối Ngân hàng Công nghệ số (NHCNS) là Khối kinh doanh thuộc hội sở chính, có chức năng tham mưu, hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc triển khai hoạt động kinh doanh ngân hàng công nghệ số của Ngân hàng, thu hút và phục vụ những khách hàng mới đến với Ngân hàng thông qua các kênh công nghệ số, hướng những khách hàng sẵn có của Khối Ngân hàng Bán lẻ sang sử dụng dịch vụ qua các kênh công nghệ số, và số hóa các quy trình kinh doanh của Ngân hàng.

Khối Quản trị Rủi ro

Khối Quản trị Rủi ro (QTRR) là bộ phận nghiệp vụ của Hội sở chính, có chức năng tham mưu, hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc thiết lập, quản lý, điều hành, giám sát các hoạt động quản trị rủi ro ngân hàng, bao gồm xây dựng chính sách tín dụng, thẩm định và phê duyệt cấp tín dụng, quản lý và thu hồi nợ, giám sát/ cảnh báo rủi ro tín dụng, quản lý rủi ro thị trường và thanh khoản, quản lý rủi ro hoạt động, kiểm soát nội bộ và các rủi ro khác (không bao gồm rủi ro tuân thủ pháp luật) phù hợp với chiến lược, định hướng kinh doanh, khẩu vị rủi ro của VIB.

Trung tâm Marketing và Truyền thông

Trung tâm Marketing và Truyền thông (Marcom) là một bộ phận thuộc Hội sở chính, có chức năng tham mưu, hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành lĩnh vực quản lý thương

hiệu và truyền thông cả bên trong và bên ngoài VIB. Trung tâm Marketing và Truyền thông có quyền hạn và nghĩa vụ trong những lĩnh vực sau: phát triển chiến lược thương hiệu và truyền thông toàn hàng, thông điệp truyền thông, đối tượng truyền thông; xây dựng kế hoạch truyền thông cho thương hiệu và các sản phẩm, dịch vụ trên các kênh truyền thông phù hợp; marketing các sản phẩm, dịch vụ cho các Khối Khách hàng doanh nghiệp, Khối Khách hàng doanh nghiệp nước ngoài, Khối Nguồn vốn và Ngoại hối.

Trung tâm Phát triển Năng lực

Trung tâm Phát triển Năng lực (Corporate Transformation Centre - CTC) là một bộ phận thuộc Hội sở chính, có chức năng báo cáo cho Tổng Giám đốc và trực tiếp hỗ trợ Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong những công việc sau:

- Chuyển đổi hệ thống VIB thông qua việc thiết kế và triển khai chiến lược phát triển thích hợp cho Ngân hàng, ứng dụng mô hình hoạt động tốt nhất trong ngành Ngân hàng tài chính và cải thiện năng lực cũng như văn hóa ngân hàng;
- Theo đuổi mô hình tăng trưởng bền vững để đạt được mục tiêu tối thượng: Tăng trưởng khách hàng cá nhân, Tổng Dư nợ, Tổng tiền gửi, Tổng Lợi nhuận hoạt động, Lợi nhuận trước thuế đều đạt 20 – 30%/năm trong 5 năm tới, duy trì tỷ lệ nợ xấu dưới 3%.

Ban Dịch vụ Tài chính

Ban Dịch vụ Tài chính là một bộ phận nghiệp vụ của Hội sở chính, có chức năng tham mưu, hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành và giám sát hoạt động hệ thống tài chính kế toán của VIB, phát triển và cung cấp các báo cáo hiệu quả làm việc, báo cáo quản trị hỗ trợ ra quyết định kinh doanh, và hỗ trợ chiến lược cho toàn ngân hàng và Khối kinh doanh trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

Ban Nhân sự

Ban Nhân sự là một bộ phận nghiệp vụ của Hội sở chính, có chức năng tham mưu, hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc thiết lập, quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ cho các đơn vị trên toàn hệ thống trong lĩnh vực quản lý và phát triển con người phù hợp với chiến lược, định hướng, mục tiêu phát triển kinh doanh của VIB.

Ban Pháp chế và Quản trị Doanh nghiệp

Ban Pháp chế và Quản trị Doanh nghiệp (PC&QTDN) là một bộ phận nghiệp vụ của Hội sở chính, có chức năng tham mưu, hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc quản lý các hoạt động bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm soát tuân thủ, tư vấn quản trị điều hành doanh nghiệp, giải quyết tranh chấp, tham gia tố tụng và quản lý quan hệ đối ngoại với các cơ quan nhà nước.

Khối Dịch vụ Công nghệ Ngân hàng

Khối Dịch vụ Công nghệ Ngân hàng (DV CNNH) là một bộ phận nghiệp vụ của Hội sở chính, có chức năng tham mưu và hỗ trợ cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành các hoạt động liên quan tới phát triển và ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT) trong ngân hàng, bao gồm xây dựng chiến lược, kế hoạch, năng lực CNTT; triển khai các dự án, giải pháp CNTT; vận hành, hỗ trợ các hệ thống công nghệ; quản lý, phát triển nguồn lực CNTT.

Khối Nghiệp vụ Tổng hợp

Khối Nghiệp vụ Tổng hợp là một bộ phận nghiệp vụ của Hội sở chính, có chức năng tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành và giám sát hoạt động xử lý giao dịch tập trung, hoạt động giao dịch tín dụng, hoạt động thẩm định và phê duyệt phát hành thẻ tín dụng, hoạt động hành chính và cung ứng, hoạt động sửa chữa và xây dựng cơ bản, hoạt động quản lý và cải tiến quy trình.

Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản (VIB AMC)

VIBAMC là Công ty TNHH 1 thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, có chức năng chính là: quản lý nợ và khai thác các TSBĐ của VIB, góp phần xử lý nợ và quản trị rủi ro cho VIB. VIBAMC hoạt động trên 03 lĩnh vực chính:

- Quản lý, khai thác cho thuê hoặc bán các tài sản là Tài sản bảo đảm (TSBĐ) của VIB góp phần xử lý nợ cho VIB;
- Quản lý TSBĐ là hàng hóa của VIB trong suốt quá trình Khách hàng thế chấp để vay vốn tại VIB;
- Thẩm định các tài sản sử dụng làm TSBĐ của VIB, góp phần quản trị rủi ro cho hoạt động tín dụng của VIB.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên của ngân hàng và những người có liên quan; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại, Danh sách cổ đông sáng lập

3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần tại ngày 08/11/2016

Bảng 1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng tại ngày 08/11/2016

STT	Tên cổ đông	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Người đại diện/người có liên quan
1	Commonwealth Bank of Australia	ABN: 48 123 123 124	112.888.500	20%	Stephen Ellis
Tổng cộng			112.888.500	20%	

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 8/11/2016 của VIB)

3.2 Cổ đông sáng lập

Theo quy định của Luật doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

3.3 Cơ cấu cổ đông tại ngày 08/11/2016

Bảng 2. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 08/11/2016

STT	Nhóm cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	1.312	450.340.025	4.503.400.250.000	79,785
1	Tổ chức	10	23.887.054	238.870.540.000	4,232

2	Cá nhân	1.302	426.452.971	4.264.529.710.000	75,553
II	Cổ đông nước ngoài	3	114.102.475	1.141.024.750.000	20,215
1	Tổ chức	1	112.888.500	1.128.885.000.000	20,00
2	Cá nhân	2	1.213.975	12.139.750.000	0,215
III	Cổ phiếu quỹ	1	1.911 ^(*)	19.110.000	0.000
Tổng cộng		1.315	564.442.500	5.644.425.000.000	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 8/11/2016 của VIB)

(*) Tại thời điểm BCTC gần nhất vào Quý III/2016, VIB có 1.196 cổ phiếu quỹ, tuy nhiên đến thời điểm 28/10/2016, số cổ phiếu quỹ tăng lên đến 1.911 cổ phiếu do mua lại cổ phiếu lẻ làm cổ phiếu quỹ từ đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu vào tháng 10/2016 theo Báo cáo kết quả phát hành gửi UBCKNN số 4.1198.16 ngày 28/10/2016.

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Ngân hàng, những công ty mà Ngân hàng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Ngân hàng

4.1. Công ty mẹ/nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối với VIB

Không có

4.2. Công ty con do VIB nắm giữ cổ phần chi phối

- Tên Công ty : Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
- Tên viết tắt : VIBAMC
- Trụ sở chính : Tầng 6 toàn nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Phường Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : (84-4) 6285 7386
- Fax : (84-4) 6285 7388
- Giấy CNĐKKD : Số 0104009004 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 29/12/2009
- Vốn điều lệ : 66.500.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của VIB : Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) đang nắm giữ 6.650.000 cổ phần của Công ty VIB AMC, giá trị vốn góp là 66.500.000.000 đồng, tương đương 100% VDL
- Ngành nghề kinh doanh chính :
 - Quản lý, khai thác cho thuê hoặc bán các tài sản là Tài sản bảo đảm (TSBĐ) của VIB góp phần xử lý nợ cho VIB;
 - Quản lý TSBĐ là hàng hóa của VIB trong suốt quá trình Khách hàng thế chấp để vay vốn tại VIB;
 - Thẩm định các tài sản sử dụng làm TSBĐ của VIB, góp phần quản trị rủi ro cho hoạt động tín dụng của VIB.

(Nguồn: VIB)

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Ngành nghề kinh doanh chính

5.1.1. Hoạt động huy động vốn

VIB đã sử dụng nguồn vốn một cách linh hoạt để tạo sự ổn định trong việc thu hút nguồn vốn cá nhân và tổ chức kinh tế. Trong năm 2015, nguồn vốn huy động của VIB có sự tăng trưởng 8,06% so với năm 2014, tại thời điểm 30/09/2016, tổng nguồn vốn huy động ghi nhận gần 80 nghìn tỷ đồng; tiền gửi khách hàng luôn chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu huy động vốn của Ngân hàng (trên 70%).

Bảng 3. Cơ cấu vốn huy động và VIB phân theo đối tượng huy động (Ngân hàng mẹ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Các khoản nợ chính phủ và NHNN	-	-	8.472.331	11,31%	-	-
Tiền gửi và vay các TCTD khác	19.761.129	28,51%	12.699.666	16,96%	18.945.662	23,94%
<i>Tiền gửi của các TCTD khác</i>	<i>8.596.456</i>	<i>12,40%</i>	<i>6.628.197</i>	<i>8,85%</i>	<i>14.749.750</i>	<i>18,64%</i>
<i>Vay các TCTD khác</i>	<i>11.164.673</i>	<i>16,11%</i>	<i>6.071.469</i>	<i>8,11%</i>	<i>4.195.912</i>	<i>5,30%</i>
Tiền gửi của khách hàng ⁽¹⁾	49.486.519	71,41%	53.643.871	71,63%	60.120.097	75,98%
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	53.787	0,08%	72.926	0,10%	65.370	0,08%
Phát hành giấy tờ có giá	25	0,00004%	-	-	-	-
Tổng cộng	69.301.460	100,00%	74.888.794	100,00%	79.131.129	100,00%

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2015 và BCTC riêng Quý III năm 2016)

Bảng 4. Cơ cấu vốn huy động và VIB phân theo đối tượng huy động (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
----------	------------	------------	------------

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM


	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Các khoản nợ chính phủ và NHNN	-	-	8.472.331	11,36%	-	-
Tiền gửi và vay các TCTD khác	19.761.129	28,69%	12.699.666	17,04%	18.945.662	24,05%
<i>Tiền gửi của các TCTD khác</i>	<i>8.596.456</i>	<i>12,48%</i>	<i>6.628.197</i>	<i>8,89%</i>	<i>14.749.750</i>	<i>18,72%</i>
<i>Vay các TCTD khác</i>	<i>11.164.673</i>	<i>16,21%</i>	<i>6.071.469</i>	<i>8,14%</i>	<i>4.195.912</i>	<i>5,33%</i>
Tiền gửi của khách hàng ⁽²⁾	49.051.909	71,23%	53.303.964	71,50%	59.779.035	75,87%
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	53.787	0,08%	72.926	0,10%	65.370	0,08%
Phát hành giấy tờ có giá	25	0,00004%	-	-	-	-
Tổng cộng	68.866.850	100,00%	74.548.887	100,00%	78.790.067	100,00%

(Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2015 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2016)

(1), (2) Tiền gửi của khách hàng được phân chia theo 2 nhóm chính là cá nhân và các tổ chức kinh tế:

Bảng 5. Phân loại tiền gửi khách hàng theo đối tượng huy động (Ngân hàng mẹ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền gửi cá nhân và các đối tượng khác	25.193.747	50,91%	27.984.745	52,17%	29.939.018	49,80%
Tiền gửi của TCKT	24.292.772	49,09%	25.659.126	47,83%	30.181.079	50,20%
Tổng cộng	49.486.519	100,00%	53.643.871	100,00%	60.120.097	100,00%

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2015 và BCTC riêng Quý III năm 2016)

Bảng 6. Phân loại tiền gửi khách hàng theo đối tượng huy động (Hợp nhất)

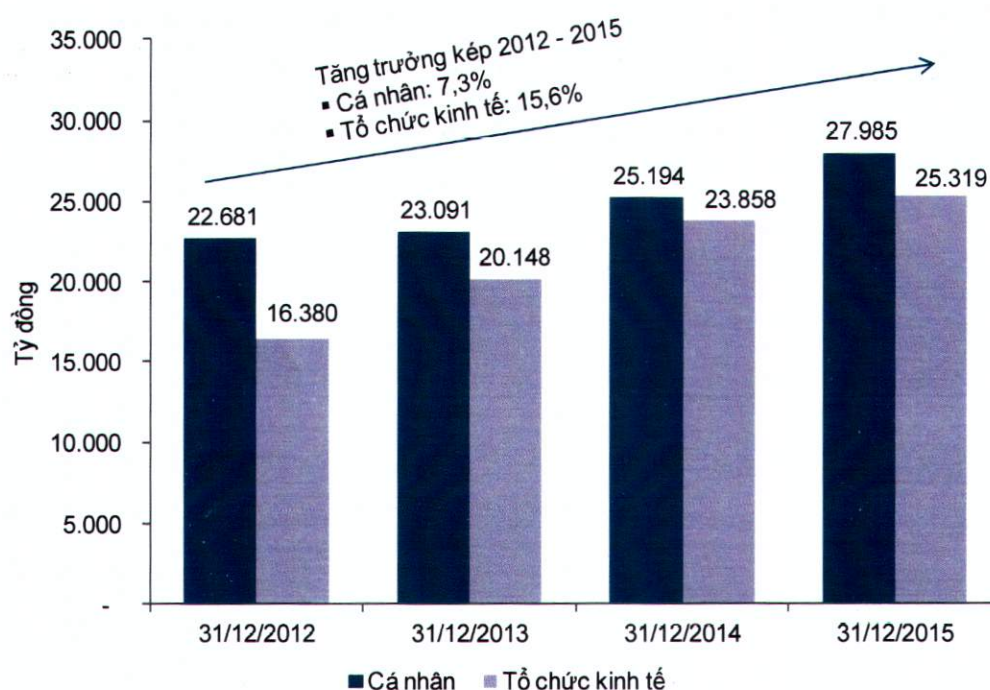
Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
----------	------------	------------	------------

	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền gửi cá nhân và các đối tượng khác	25.193.747	51,36%	27.984.745	52,50%	29.939.018	50,08%
Tiền gửi của TCKT	23.858.162	48,64%	25.319.219	47,50%	29.840.016	49,92%
Tổng cộng	49.051.909	100,00%	53.303.964	100,00%	59.779.034	100,00%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2016)

Hình 2. Cơ cấu tiền gửi giai đoạn 2012-2015



(Nguồn: BCTC kiểm toán các năm)

Hoạt động tiền gửi tăng trưởng ổn định qua các năm và xu hướng dịch chuyển tỷ trọng tiền gửi cá nhân và TCKT đã có sự cân bằng hơn trong những năm gần đây. Tiền gửi cá nhân và các đối tượng khác luôn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tiền gửi của Ngân hàng; trong năm 2015, tiền gửi cá nhân và các đối tượng khác chiếm tỷ trọng 52,5% tổng tiền gửi của khách hàng, tăng trưởng trung bình 7,3% mỗi năm trong giai đoạn 2012 - 2015. Để có mức tăng trưởng ổn định như vậy, VIB đã phát triển nhiều sản phẩm cá nhân nhằm phục vụ cho nhu cầu khác nhau của khách hàng như tiền gửi thanh toán, tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn và có kỳ hạn... Ngoài ra, ngân hàng cũng đẩy mạnh các hoạt động quảng cáo, truyền thông nhằm thu hút hoạt động tiền gửi. Trong năm 2015, VIB liên tiếp đưa ra những chương trình cho vay, huy động hấp dẫn cho khách hàng cá nhân, những chương trình khuyến mại lớn như "**Trọn vẹn ước mơ cùng VIB**", "**Chia sẻ niềm tin – Nhân đôi niềm vui**", "**Cho vay trung hạn lãi suất ưu đãi**", đã đem tới những giải pháp tài chính hoàn hảo cho khách hàng và giúp cho VIB có được tăng trưởng tốt.

Hoạt động tiền gửi của các tổ chức kinh tế trong năm 2015, tăng 6,1% so với 2014, mức tăng trưởng trung bình hàng năm giai đoạn 2012 – 2015 là khoảng 15,6%. Bên cạnh phát triển các hoạt động tiền gửi cá nhân, VIB cũng có các chương trình ưu đãi đặc biệt dành cho các nhà phân phối tiêu dùng (FMCG), chương trình ưu đãi cho các doanh nghiệp sử dụng sản phẩm dịch vụ tại VIB, trong quý cuối năm, VIB đưa ra chương trình khuyến mại nhân dịp giáng sinh “Đón Giáng Sinh, ai cũng có quà” với tổng giải thưởng lên đến 2 tỷ đồng; bên cạnh đó, nhân dịp kỷ niệm 20 năm thành lập, VIB cũng đưa ra chương trình “Hành trình 20 năm gắn kết – Cuộc sống tươi đẹp cùng VIB”, với cơ cấu giải thưởng lên đến gần 3 tỷ đồng, áp dụng đối với các hình thức vay bổ sung vốn kinh doanh, đầu tư tài sản cố định....

Tại thời điểm 30/09/2016, tiền gửi khách hàng ghi nhận 59.779 nghìn tỷ, trong đó tiền gửi cá nhân chiếm 50,1% và tiền gửi TCKT chiếm 49,9%.

Ngoài ra cơ cấu tiền gửi khách hàng còn được phân chia theo loại hình tiền gửi:

Bảng 7. Phân loại tiền gửi khách hàng theo loại hình tiền gửi (Ngân hàng mẹ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	10.175.618	20,56%	10.743.459	20,03%	11.556.577	19,22%
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	39.178.124	79,17%	42.705.134	79,61%	48.359.503	80,44%
Tiền gửi vốn chuyên dụng	-	-	90.850	0,17%	113.712	0,19%
Tiền ký quỹ	132.777	0,27%	104.428	0,19%	90.305	0,15%
Tổng	49.486.519	100,00%	53.643.871	100,00%	60.120.097	100,00%

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2015 và BCTC riêng Quý III năm 2016)

Bảng 8. Phân loại tiền gửi khách hàng theo loại hình tiền gửi (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	8.868.022	18,08%	10.743.451	20,16%	11.556.414	19,33%
Tiền, vàng gửi có	40.051.110	81,65%	42.365.234	79,48%	48.018.603	80,33%

Chỉ tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
kỳ hạn						
Tiền gửi vốn chuyên dụng	-	-	90.850	0,17%	113.712	0,19%
Tiền ký quỹ	132.777	0,27%	104.429	0,20%	90.305	0,15%
Tổng	49.051.909	100,00%	53.303.964	100,00%	59.779.034	100,00%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2016)

Huy động tiền, vàng gửi có kỳ hạn luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tiền gửi giúp ngân hàng chủ động được nguồn tiền và làm giảm rủi ro về khả năng thanh toán, từ đó đảm bảo được uy tín của ngân hàng trên thị trường. Cụ thể, trong năm 2015, tiền, vàng gửi có kỳ hạn chiếm khoảng 80% tổng tiền gửi, tăng 5,8% so với năm 2014, trong đó, tiền gửi và tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng đồng nội tệ chiếm 91%, tiền gửi bằng ngoại tệ chỉ chiếm 9% tổng tiền gửi có kỳ hạn.

5.1.2. Hoạt động sử dụng vốn

• Hoạt động tín dụng

Về hoạt động tín dụng, VIB đã có các cải tiến, đổi mới và đơn giản hóa quy trình cho vay:

- Thời gian qua VIB đã vận hành tốt quy trình tập trung hóa công tác thẩm định, phê duyệt tín dụng tại Hội sở chính đối với Khách hàng doanh nghiệp;
- Đối với Khách hàng cá nhân, công tác phê duyệt tập trung đang trong giai đoạn hoàn thiện. Hiện tại, tất cả các sản phẩm tín dụng cá nhân có rủi ro cao đã được tập trung hóa phê duyệt tín dụng tại Hội sở chính (Cho vay cá nhân kinh doanh, Cho vay bất động sản cá nhân với dư nợ lớn, Thẻ tín dụng, Thấu chi,...), chỉ ủy quyền các sản phẩm tín dụng có mức độ rủi ro thấp, dư nợ nhỏ tới các Chi nhánh, Phòng giao dịch;
- Các quy trình liên quan đến hoạt động cấp tín dụng cũng liên tục được cải tiến theo hướng đơn giản hóa, giảm thiểu về mặt thủ tục nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc về kiểm soát và quản trị rủi ro như quy trình thẩm định, quy trình giải ngân, quy trình kiểm soát trong và sau khi cho vay. Song song với đó là hệ thống mẫu biểu, tờ trình tín dụng, check list hồ sơ vay vốn mới cũng được thiết kế lại;
- Đã hoàn thiện hệ thống LOS đảm bảo tối ưu hóa quy trình luân chuyển hồ sơ, tiết kiệm thời gian và nguồn lực trong hoạt động cấp tín dụng.

Cơ cấu tín dụng theo thời hạn vay

Tín dụng trong năm 2015 của VIB tăng 25% so với 2014, cơ cấu nợ đã có sự phân chia đồng đều hơn. Trong 3 năm trở lại, hoạt động tín dụng của VIB đang dần chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng cho vay ngắn hạn, tăng tỷ trọng cho vay trung và dài hạn. Chi tiết được thể hiện như sau:

Bảng 9. Cơ cấu dư nợ tín dụng theo thời hạn vay của VIB (*)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	16.661.314	43,64%	17.053.419	35,69%	16.375.409	30,68%
Nợ trung hạn	9.987.024	26,16%	15.095.351	31,60%	17.427.597	32,65%
Nợ dài hạn	11.530.448	30,20%	15.628.261	32,71%	19.570.613	36,67%
Tổng	38.178.786	100,00%	47.777.031	100,00%	53.373.619	100,00%

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2015 và BCTC riêng Quý III năm 2016)

(*) Cơ cấu dư nợ tín dụng của BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất không có sự thay đổi

Cơ cấu dư nợ tín dụng theo ngành kinh tế

Phân theo ngành hình kinh tế, nhìn chung tín dụng các ngành kinh tế đều có sự tăng trưởng đều đặn qua các năm; trong đó, các khoản vay cá nhân và ngành nghề khác chiếm tỷ trọng lớn nhất và ổn định trong tổng cơ cấu dư nợ của VIB, chiếm hơn 46% trong các năm qua.

Bảng 10. Cơ cấu dư nợ tín dụng theo ngành kinh tế (*)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nông nghiệp và lâm nghiệp	1.266.368	3,32%	1.464.689	3,07%	1.398.816	2,62%
Thương mại, sản xuất và chế biến	12.675.979	33,20%	14.244.798	29,82%	15.056.140	28,21%
Xây dựng	735.208	1,93%	1.163.937	2,44%	2.288.215	4,29%
Kho bãi vận tải và thông tin liên lạc	5.690.339	14,90%	8.532.452	17,86%	9.893.277	18,54%
Cá nhân và các ngành nghề khác	17.810.892	46,65%	22.371.155	46,82%	24.737.171	46,35%
Tổng	38.178.786	100,00%	47.777.031	100,00%	53.373.619	100,00%

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2015 và BCTC riêng Quý III năm 2016)

(*) Cơ cấu dư nợ tín dụng của BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất không có sự thay đổi

Cơ cấu dư nợ tín dụng theo đối tượng khách hàng vay

Khách hàng của VIB bao gồm các cá nhân và các doanh nghiệp thuộc loại hình kinh tế khác nhau

Đối với nhóm khách hàng cá nhân và cho vay khác: Dư nợ tín dụng chiếm tỷ trọng lớn nhất trên tổng dư nợ (60,7%) trong năm 2015, tăng 24,3% so với năm 2014. Để phục vụ các nhu cầu tín dụng khác nhau, VIB đã phát triển nhiều hình thức cho vay cá nhân: Cho vay mua nhà, sửa chữa nhà, vay kinh doanh cá nhân, tiểu thương chợ và các khoản vay tiêu dùng khác...

Đối với nhóm khách hàng doanh nghiệp: Do là ngân hàng TMCP ngoài quốc doanh nên loại hình doanh nghiệp được chú trọng là Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần, chiếm 62,3% trên tổng dư nợ pháp nhân, tăng 26% so với năm 2014, tiếp theo là nhóm doanh nghiệp nhà nước, chiếm 9,6% tổng cơ cấu dư nợ và 24,4% trên tổng dư nợ pháp nhân.

Bảng 11. Cơ cấu dư nợ theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp (*)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh nghiệp nhà nước	3.458.432	9,06%	4.583.601	9,59%	4.720.714	8,84%
Công ty TNHH và công ty cổ phần	9.285.228	24,32%	11.701.285	24,49%	20.553.976	38,51%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.395.997	3,66%	1.692.287	3,54%	1.965.834	3,68%
Doanh nghiệp tư nhân	703.111	1,84%	795.987	1,67%	817.738	1,53%
Cho vay cá nhân và cho vay khác	23.336.018	61,12%	29.003.871	60,71%	25.315.356	47,43%
Tổng	38.178.786	100,00%	47.777.031	100,00%	53.373.619	100,00%

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2015 và BCTC riêng Quý III năm 2016)

(*) Cơ cấu dư nợ tín dụng của BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất không có sự thay đổi

Cơ cấu dư nợ theo chất lượng tín dụng

Bên cạnh việc đẩy mạnh dư nợ tín dụng, VIB cũng đảm bảo chất lượng các khoản vay nhằm giảm thiểu rủi ro cho hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Chất lượng tín dụng của VIB luôn nằm trong giới hạn an toàn; nợ đủ tiêu chuẩn (tỷ lệ trích lập dự phòng 0%) luôn duy trì tỷ lệ lớn nhất trong những năm qua trong cơ cấu nợ cho vay, chiếm 95,8% trong năm 2014 và 96,8% trong năm 2015. Trong khi đó nhóm nợ xấu luôn được hạn chế ở mức thấp, trung bình chỉ khoảng 1% cho mỗi nhóm nợ từ nhóm 3 – 5.

Bảng 12. Cơ cấu dư nợ theo chất lượng tín dụng^(*)

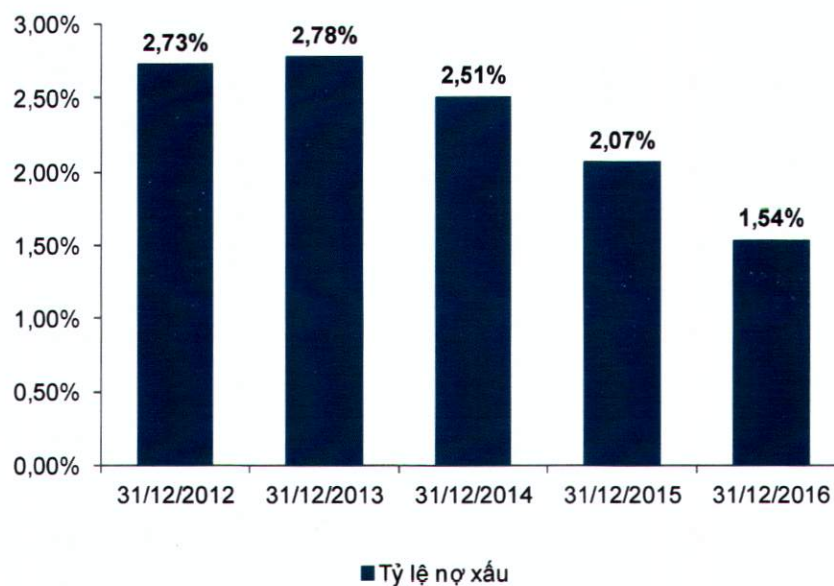
Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	36.598.377	95,86%	46.270.139	96,85%	52.065.052	97,55%
Nợ cần chú ý	620.522	1,63%	517.716	1,08%	485.112	0,91%
Nợ dưới tiêu chuẩn	119.226	0,31%	135.250	0,28%	58.889	0,11%
Nợ nghi ngờ	319.623	0,84%	98.039	0,21%	73.977	0,14%
Nợ có khả năng mất vốn	521.038	1,36%	755.887	1,58%	690.589	1,29%
Tổng	38.178.786	100,00%	47.777.031	100,00%	53.373.619	100,00%

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2015 và BCTC riêng Quý III năm 2016)

(*) Cơ cấu dư nợ tín dụng của BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất không có sự thay đổi

Hình 3. Tỷ lệ nợ xấu của VIB (dự kiến đến 31/12/2016)



Tỷ lệ nợ xấu của VIB được cải thiện rõ rệt trong các năm qua, các khoản cho vay mới phát sinh quá hạn với tỷ lệ rất thấp, tính từ tháng 07/2012 đến 30/09/2016 tỷ lệ nợ quá hạn của các khoản vay mới chỉ ở mức dưới 1% tổng dư nợ. Chất lượng dịch vụ tín dụng cũng từng bước được nâng cao, thể hiện qua việc thời gian phê duyệt khoản vay ngày càng rút ngắn, tạo điều kiện hỗ trợ cho khách hàng nhanh chóng tiếp cận được vốn vay ngân hàng.

Thời gian phê duyệt khoản vay

Năm 2012

Hiện nay